

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**

QUÝ IV/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (CÔNG TY MẸ)
QUÝ IV NĂM 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		374,842,020,390	358,198,236,892
I-Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	178,965,481,840	171,122,463,380
1. Tiền	111		114,465,481,840	111,518,463,380
2. Các khoản tương đương tiền	112		64,500,000,000	59,604,000,000
II-Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37,000,000,000	32,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	37,000,000,000	32,000,000,000
III-Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149,523,591,635	142,079,756,721
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	125,656,515,567	119,968,949,280
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,436,539,762	1,035,952,126
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	30,430,336,402	29,520,146,061
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(8,999,800,096)	(8,445,290,746)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV-Hàng tồn kho :	140		175,500	5,791,500
1. Hàng tồn kho	141	V.6	175,500	5,791,500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V-Tài sản ngắn hạn khác	150		9,352,771,415	12,990,225,291
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	630,869,548	4,906,770,351
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	8,494,680,830	7,857,368,497
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	227,221,037	226,086,443
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183,395,785,505	228,521,156,422
I-Các khoản phải thu dài hạn	210		954,789,470	663,122,270
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	954,789,470	663,122,270
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II-Tài sản cố định	220		80,159,250,263	73,310,747,571
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	60,446,768,406	53,342,032,650
- Nguyên giá	222		134,518,875,233	120,402,682,336
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(74,072,106,827)	(67,060,649,686)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			



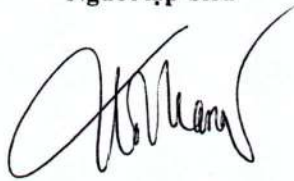
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.9	19,712,481,857	19,968,714,921
- Nguyên giá	228		22,331,234,828	22,331,234,828
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,618,752,971)	(2,362,519,907)
III-Bất động sản đầu tư	230	V.10	49,801,071,781	55,624,547,741
- Nguyên giá	231		74,584,104,356	79,412,091,656
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24,783,032,575)	(23,787,543,915)
IV-Tài sản dở dang dài hạn	240		305,518,229	73,663,177,322
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	305,518,229	73,663,177,322
V-Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	49,798,005,790	20,936,609,321
1. Đầu tư vào công ty con	251		37,392,586,378	6,341,370,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3,175,492,779	6,334,032,779
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11,589,789,363	11,585,694,230
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2,359,862,730)	(3,324,487,688)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		2,377,149,972	4,322,952,197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2,377,149,972	4,322,952,197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		558,237,805,895	586,719,393,314
NGUỒN VỐN				
C-NỢ PHẢI TRẢ	300		282,192,374,348	331,794,348,111
I-Nợ ngắn hạn	310		267,299,622,686	317,324,377,961
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	94,761,808,943	104,457,790,709
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22,540,383,255	19,799,288,560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14,403,232,327	39,065,172,666
4. Phải trả người lao động	314		40,746,902,010	45,351,058,062
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7,040,501,263	11,218,969,544
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	200,000,000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	80,906,669,103	89,752,707,408
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,700,125,785	7,679,391,012
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II-Nợ dài hạn	330		14,892,751,662	14,469,970,150
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	500,000,000	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	652,831,662	658,770,150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	13,739,920,000	13,811,200,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

7898
 3TY
 HAN
 NG HA
 NAM
 HO CHI

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276,045,431,547	254,925,045,203
I-Vốn chủ sở hữu	410		276,045,431,547	254,925,045,203
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	74,261,208,991	56,397,655,039
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	12,734,417,453	12,311,461,686
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	72,549,805,103	69,715,928,478
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24,538,467,645	69,715,928,478
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48,011,337,458	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		558,237,805,895	586,719,393,314
			-	-

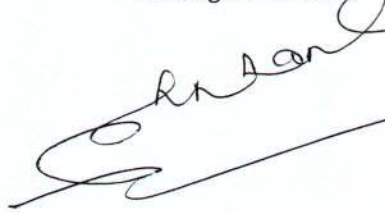
Tp.HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu



VÕ TRUNG THẮNG

Trưởng ban TCKT



PHAN VĂN KHÁNH

Tổng Giám đốc



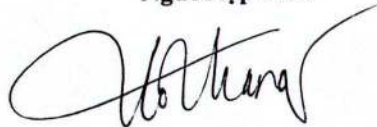
VU XUÂN TRUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (CÔNG TY MẸ)
QUÝ IV NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

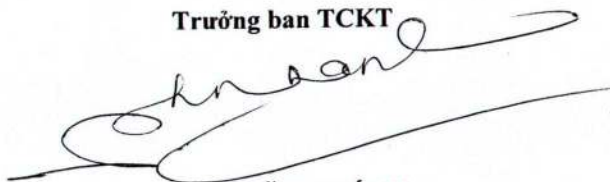
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1	246,867,628,820	283,428,434,931	870,982,282,737	842,984,626,743
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.1	246,867,628,820	283,428,434,931	870,982,282,737	842,984,626,743
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	222,623,868,968	254,533,149,136	782,860,030,182	747,762,099,211
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24,243,759,852	28,895,285,795	88,122,252,555	95,222,527,532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22,453,598,256	22,566,133,474	50,212,276,699	40,633,728,852
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,283,708,964	4,704,327,521	4,369,971,606	3,347,608,208
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	37,519,955,485	43,259,858,192	78,710,064,900	84,281,158,511
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30= 20+(21-22)-(24+25)]	30		7,893,693,659	3,497,233,556	55,254,492,748	48,227,489,665
11. Thu nhập khác	31	VI.5	(2,109,831,459)	1,049,901,789	5,516,790,984	11,931,183,032
12. Chi phí khác	32	VI.6	2,357,481,789	7,925,232	2,463,389,746	727,433,380
13. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		(4,467,313,248)	1,041,976,557	3,053,401,238	11,203,749,652
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,426,380,411	4,539,210,113	58,307,893,986	59,431,239,317
15. Chi thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	(2,191,468,431)	(1,257,394,016)	10,296,556,528	9,941,419,011
16. Chi thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	461,002,158
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-52+53)	60		5,617,848,842	5,796,604,129	48,011,337,458	49,028,818,148

Người lập biểu



VÕ TRUNG THẮNG

Trưởng ban TCKT



PHAN VĂN KHÁNH



Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Giám đốc

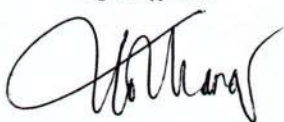
VŨ XUÂN TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (CÔNG TY MẸ)
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 QUÝ IV NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

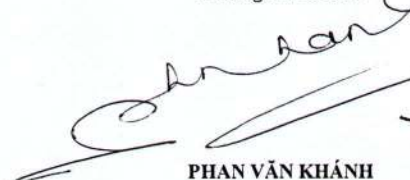
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,468,542,669,809	834,303,059,699
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,171,865,372,729)	(800,051,522,038)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(111,769,573,158)	(89,999,183,194)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(12,473,419,587)	(8,294,739,293)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,702,519,235,121	1,645,219,576,567
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,830,104,636,024)	(1,542,292,680,432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44,848,903,432	38,884,511,309
			-	-
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31,825,947,905)	(11,720,114,604)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ các tài sản dài hạn khác	22		672,516,363	749,090,908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57,104,000,000)	(33,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39,058,448,283	4,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,940,000,000)	(1,072,836,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10,540,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,472,458,040	30,266,716,076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26,666,525,219)	(237,143,620)
			-	-
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,381,451,185	6,921,730,003
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5,811,881,980)	(4,919,229,730)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11,595,527,500)	(11,656,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12,025,958,295)	(9,654,099,727)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		6,156,419,918	28,993,267,962
			-	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		171,122,463,380	141,370,181,975
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,686,598,542	759,013,443
Tiền tồn cuối kỳ	70		178,965,481,840	171,122,463,380

Người lập biểu



VÕ TRUNG THẮNG

Trưởng ban TCKT



PHAN VĂN KHÁNH



Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Giám đốc



VŨ XUÂN TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Quý IV Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có 703 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 706 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 44
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho và sân bãi thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là từ 05 – 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Riêng các quyền sử dụng đất có xác định thời hạn sử dụng sẽ được khấu hao trong thời gian sử dụng tương ứng như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	2,434,809,165	2,151,982,876
Tiền gửi ngân hàng	112,030,672,675	109,366,480,504
Các khoản tương đương tiền	64,500,000,000	59,604,000,000
Cộng	178,965,481,840	171,122,463,380

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất năm từ 5% đến 6%.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng	37,000,000,000	37,000,000,000	32,000,000,000	32,000,000,000
Cộng	37,000,000,000	37,000,000,000	32,000,000,000	32,000,000,000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư vào công ty con

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị
Công ty TNHH SYMS Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	-	51,00	3.281.370.000
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	51,50	37,392,586,378	51,00	3.060.000.000
Cộng		37,392,586,378		6.341.370.000

(i) Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009 nhưng Công ty chưa liên hệ được với bên đối tác liên doanh nên chưa thanh lý khoản đầu tư này. Để việc trình bày trên Báo cáo tài chính phù hợp với tình trạng thực tế về khoản đầu tư công ty con SYMS VN, trong BCTC quý 3/2015 Công ty đã giảm ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con SYMS VN 3,281 tỷ đồng và giảm ghi nhận khoản dự phòng 1,38 tỷ đồng, đối ứng giảm trừ khoản tiền giữ hộ SYMS VN. Số tiền còn ghi nhận phải trả khác là 3.737.387.440 đồng.

(ii) Khoản 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 Công ty CP ĐLHHVN thông qua việc thành lập Công ty cổ phần để thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành SXKD tại số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM.

Các cổ đông của Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSALAND) thực hiện thỏa thuận góp vốn điều lệ theo hợp đồng góp vốn, trong đó Công ty cam kết góp 51,5% bao gồm giá trị quyền sử dụng đất Số 01 Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM và 5.000.000.000 đồng tiền mặt. Đến quý 3/2015, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn vào VOSALAND. Vốn điều lệ VOSALAND là 100 tỷ, giá trị khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	2,359,862,730	3,324,487,688
- Công ty TNHH SYMS Việt Nam		1,381,111,688
- Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	2,359,862,730	1,943,376,000
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác		
Cộng	<u>2,359,862,730</u>	<u>3,324,487,688</u>

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam ⁽ⁱ⁾	0%		49%	3,158,540,000
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	40%	<u>3,175,492,779</u>	40%	<u>3,175,492,779</u>
Cộng		<u>3,175,492,779</u>		<u>6,334,032,779</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411021000026 ngày 24 tháng 10 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) 196,000.00 USD, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.158.540.000 VND #196,000.00 USD, tương đương 49% vốn điều lệ.

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ 49% phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) cho phía đối tác nước ngoài là Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line). Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn được ký kết ngày 25 tháng 3 năm 2015, giá chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty là 16.058.448.283 VND. Ngoài ra, Công ty vẫn sẽ được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty: 49%, NYK Line: 51%).

- Đầu tư vào đơn vị khác

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số CP</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số CP</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		9,420,160,000		9,420,160,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam ¹	913.390	7,400,160,000	913.390	7,400,160,000
- Tổng Công ty cổ phần Thép Việt Nam – CTCP ²	200.000	2,020,000,000	200.000	2,020,000,000
Đầu tư vào đơn vị khác		2,169,629,363		2,165,534,230
- Công ty TNHH Yusen Logistics & Vận tải Việt Nam – USD 51.000 (51%) ³		1,072,836,000		1,072,836,000
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam USD 4.000 (1%) ⁴		63,746,040		63,746,040
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam ⁵	50.000	500,000,000	50.000	500,000,000
- Công ty liên doanh Bông Sen ⁶		533,047,323		528,952,190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số CP	Giá trị	Số CP	Giá trị
		<u>11,589,789,363</u>		<u>11,585,694,230</u>

⁽¹⁾Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) tiền thân là Đại lý hàng hải Việt Nam là cổ đông sáng lập Ngân hàng hàng hải Việt Nam vào năm 1991. Đồng thời VOSA cũng là khách hàng thân thiết của MSB trong nhiều năm. Số cổ phiếu VOSA sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.

⁽²⁾Tổng công ty cổ phần thép Việt Nam (VNSTEEL) là đối tác quan trọng của VOSA ở khu vực miền Bắc. VOSA đã thực hiện cung cấp dịch vụ đại lý vận tải cho VNSTEEL trong nhiều năm. Khi VNSTEEL thực hiện bán cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO), VOSA đã thực hiện đấu giá mua 200.000 cổ phiếu của VNSTEEL.

⁽³⁾Ngày 01/04/2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, làm thủ tục hải quan, môi giới, vận tải đường bộ, v.v... Theo Hợp đồng liên doanh VOSA sẽ được nhận khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000USD và không tham gia quản lý, kiểm soát hoạt động hàng ngày của Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam. Đối với phần lợi nhuận của liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên. Năm tài chính niên độ kết thúc ngày 31/03/2015, liên doanh có lãi sau thuế là 1,2 tỷ đồng.

⁽⁴⁾Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam): giảm do chuyển nhượng vốn. Ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chuyển nhượng 50% vốn cho đối tác nước ngoài là Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd. với số tiền là 500,000.00 USD (tương đương 10.540.000.000 VND). Từ ngày 01/04/2014, VOSA chỉ còn giữ 1% vốn góp và nhận lãi cố định 5.000USD/năm. Theo hợp đồng chuyển nhượng, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam: 51%, Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.: 49%) theo thông báo chia lợi nhuận của Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) phân kỳ 7 năm (2014-2020), mỗi kỳ VOSA được nhận số tiền 15,5 tỷ đồng.

⁽⁵⁾VOSA là cổ đông thành lập Công ty CP VINALINES LOGISTICS năm 2007. Hàng năm cổ tức thu được trung bình 5%. Hiện nay Công ty này đã niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VLG.

⁽⁶⁾Được thành lập năm 1991, Công Ty Liên Doanh Bông Sen (**Cảng LOTUS**) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETRANS, VOSA và đối tác nước ngoài BLASCO – Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp 23,705USD với tỷ lệ vốn góp 0,27%. Hàng năm, liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đều chia lãi liên doanh đầy đủ. Số tiền lãi VOSA thực nhận không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	125,656,515,567	119,968,949,280
<i>Công ty TNHH NAIGAI NITTO LOGISTICS Việt Nam</i>	<i>13,186,417,987</i>	<i>12,438,653,981</i>
<i>Công ty CP cảng Quảng Ninh</i>	<i>5,567,826,702</i>	<i>11,281,685,365</i>
<i>Cty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo</i>	<i>18,946,868,061</i>	
<i>CN Cty TNHH SDV Việt Nam</i>	<i>2,009,151,665</i>	<i>14,200,415,276</i>
<i>Công ty TNHH Hóa chất TAIKO - Đại Hùng</i>	<i>2,849,565,084</i>	<i>1,513,688,422</i>
<i>CÔNG TY TNHH SUMISO (VIỆT NAM)</i>	<i>2,024,591,847</i>	<i>1,996,949,413</i>
<i>NIPPON YUSEN KABUSHIKI KAISHA</i>	<i>12,434,671,613</i>	<i>4,718,700,672</i>
- Phải thu khách hàng dài hạn		
Cộng	125,656,515,567	119,968,949,280

4. Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	2,182,328,888	1,502,470,833
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	50,000,000
BHXH, BHYT, BHTN	91,411,126	43,308,400
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	5,941,614,764	7,276,522,631
Tạm ứng	7,006,823,514	5,554,979,786
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	9,116,345,000	8,560,118,750
Khoản phải thu khác	6,091,813,110	6,532,745,661
Cộng	30,430,336,402	29,520,146,061

b) Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	954,789,470	663,122,270
Khoản phải thu khác		
Cộng	954,789,470	663,122,270

5. Nợ xấu

Nợ xấu	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng
- Phải thu khách hàng	3,607,926,759	3,423,904,461	3,826,910,905	2,869,395,111
- Phải thu ngắn hạn khác	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635
Cộng	9,183,822,394	8,999,800,096	9,402,806,540	8,445,290,746

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm		142,234,023
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	62,705,342	292,551,610
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	278,079,567	635,748,987
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	8,659,015,187	7,374,756,126
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>8,999,800,096</u>	<u>8,445,290,746</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8,445,290,746	2,901,364,794
Trích lập dự phòng bổ sung	500,085,441	5,543,925,952
Điều chỉnh khác	420,231,889	
Hoàn nhập dự phòng	(324,990,514)	
Xử lý xóa nợ	(40,817,466)	
Số cuối quý	<u>8,999,800,096</u>	<u>8,445,290,746</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Văn phòng phẩm	175,500		5,791,500	
Cộng	<u>175,500</u>		<u>5,791,500</u>	

7. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối quý</u>
	<i>Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn</i>	71,234,485,590	339,059,840		71,573,545,430
<i>Dự án nhà VP Vitamas</i>	288,718,229	16,800,000			305,518,229
<i>Dự án kho IC Vosa Quảng Ninh</i>	229,307,727	9,032,512,984	9,261,820,711		
<i>Dự án sửa chữa Khách sạn của VS Quảng Ninh</i>	1,910,665,776		1,910,665,776		
Cộng	<u>73,663,177,322</u>	<u>9,388,372,824</u>	<u>11,172,486,487</u>	<u>71,573,545,430</u>	<u>305,518,229</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2015	72,737,511,172	38,015,819	42,679,339,304	4,947,816,041	120,402,682,336
- Mua trong năm	-	-	586,554,545	149,860,455	736,415,000
- ĐT XDCB hoàn thành	11,172,486,487	-	-	-	11,172,486,487
- Tăng khác	2,971,308,501	-	-	-	2,971,308,501
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	722,017,091	42,000,000	764,017,091
Ngày 31/12/2015	86,881,306,160	38,015,819	42,543,876,758	5,055,676,496	134,518,875,233
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2015	36,948,524,663	38,015,819	26,320,880,097	3,753,229,107	67,060,649,686
- Khấu hao trong năm	3,373,839,641	-	3,918,922,067	482,712,524	7,775,474,232
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	722,017,091	42,000,000	764,017,091
Ngày 31/12/2015	40,322,364,304	38,015,819	29,517,785,073	4,193,941,631	74,072,106,827
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2015	35,788,986,509	-	16,358,459,207	1,194,586,934	53,342,032,650
Ngày 31/12/2015	46,558,941,856	-	13,026,091,685	861,734,865	60,446,768,406

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định Vô hình		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Ngày 1/1/2015	-	20,346,655,528	1,984,579,300	22,331,234,828
- Mua trong năm	-	-	-	-
Ngày 31/12/2015	-	20,346,655,528	1,984,579,300	22,331,234,828
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 1/1/2015	-	-	688,087,149	2,362,519,907
- Khấu hao trong năm	-	-	225,218,414	31,014,650
Ngày 31/12/2015	-	-	913,305,563	1,705,447,408
Giá trị còn lại				
Ngày 1/1/2015	-	-	1,306,492,359	19,968,714,921
Ngày 31/12/2015	-	-	1,705,447,408	19,968,714,921

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 31/12/2015			19,433,349,965	279,131,892	19,712,481,857
-----------------	--	--	----------------	-------------	----------------

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Tăng, giảm Bất động sản đầu tư				Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2015	-	-	-	79,412,091,656	79,412,091,656
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	3,298,174,000	3,298,174,000
- Giảm khác	-	-	-	1,529,813,300	1,529,813,300
Ngày 31/12/2015	-	-	-	74,584,104,356	74,584,104,356
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2015	-	-	-	23,787,543,915	23,787,543,915
- Khấu hao trong năm	-	-	-	4,293,662,660	4,293,662,660
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	3,298,174,000	3,298,174,000
Ngày 31/12/2015	-	-	-	24,783,032,575	24,783,032,575
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2015	-	-	-	55,624,547,741	55,624,547,741
Ngày 31/12/2015	-	-	-	49,801,071,781	49,801,071,781

11. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	50,069,142	14,661,489
Chi phí bảo hiểm	47,884,104	82,004,976
Chi phí văn phòng, thuê kho	302,727,271	39,000,000
Chi phí đại lý vận tải		4,604,641,581
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	230,189,031	166,462,305
Cộng	630,869,548	4,906,770,351

b) Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	554,098,208	1,829,019,716
Tiền thuê đất trả trước	1,651,357,818	1,711,407,198
Chi phí trả trước dài hạn khác	171,693,946	782,525,283
Cộng	2,377,149,972	4,322,952,197

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay cán bộ công nhân viên		5,811,881,980	(5,811,881,980)	
Cộng		5,811,881,980	(5,811,881,980)	

b) Vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn (Vosa Quảng Ninh)	7,000,000,000	7,000,000,000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	6,739,920,000	6,811,200,000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong)	6,739,920,000	6,811,200,000
Cộng	13,739,920,000	13,811,200,000

Khoản vay dài hạn 1.980.000 RMP # 6,739,920,000 VND từ Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hongkong) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/04/1998, thời hạn vay là 25 năm và không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13,811,200,000	8,078,906,000
Số tiền vay trong kỳ	-	2,000,000,000
Chênh lệch tỷ giá	(71,280,000)	3,732,294,000
Số tiền vay đã trả	-	-
Số cuối quý	13,739,920,000	13,811,200,000

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả người bán ngắn hạn	94,761,808,943	104,457,790,709
<i>Cảng Hải Phòng</i>	2,534,448,075	2,596,090,445
<i>Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Tiến Bộ</i>	5,585,383,000	6,021,614,800
<i>CÔNG TY CP TM VẬN TẢI & XNK AN BÌNH</i>	4,186,631,230	2,582,318,255
<i>CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH</i>	4,321,481,182	12,770,889,591
<i>CTY TNHH CẢNG CÔNG-TEN-NƠ QUỐC TẾ CÁI LÂN</i>	3,548,009,711	1,264,595,696
<i>CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THÁI HƯNG</i>	2,647,854,685	3,132,592,601
<i>CÔNG TY XĂNG DẦU ĐỒNG NAI</i>	2,668,632,847	906,514,343
<i>CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN</i>	13,429,265,853	8,595,254,396
- Phải trả người bán dài hạn		
Cộng	94,761,808,943	104,457,790,709

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	525,377,901	12,923,293,404	12,903,991,909	544,679,396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,555,724,807	10,296,556,528	12,473,419,587	1,378,861,748
Thuế thu nhập cá nhân	422,572,602	3,005,171,764	2,971,656,854	456,087,512
Tiền thuê đất	22,911,469,387	3,895,067,156	26,368,297,543	438,239,000
Các loại thuế khác	11,423,941,526	42,794,073,593	42,859,871,485	11,358,143,634
Cộng	<u>38,839,086,223</u>	<u>72,914,162,445</u>	<u>97,577,237,378</u>	<u>14,176,011,290</u>

Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	8,494,680,830	7,857,368,497
Thuế thu nhập cá nhân	202,269,149	226,086,443
Thuế khác	24,951,888	-
Cộng	<u>8,721,901,867</u>	<u>8,083,454,940</u>

15. Chi phí phải trả

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận tải thuê ngoài	6,001,398,365	8,557,743,497
Giá trị công trình XD/CB chưa quyết toán khối lượng hoàn thành	-	1,357,671,536
Chi phí khác	1,039,102,898	1,303,554,511
Cộng	<u>7,040,501,263</u>	<u>11,218,969,544</u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khác	500,000,000	-
Cộng	<u>500,000,000</u>	<u>-</u>

16. Phải trả khác

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	33,500,888	68,195,659
Kinh phí công đoàn	1,176,114,256	1,170,553,923
Cổ tức phải trả	8,360,724,825	207,924,825
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4,739,010,208	5,314,632,029
Các khoản phải trả khác	66,597,318,926	82,991,400,972
<i>Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu</i>	<i>50,210,845,358</i>	<i>55,436,236,244</i>
<i>Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu</i>	<i>12,244,568,320</i>	<i>21,199,467,400</i>
<i>Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam</i>	<i>3,737,387,440</i>	<i>5,637,645,752</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>404,517,808</i>	<i>718,051,576</i>
Cộng	<u>80,906,669,103</u>	<u>89,752,707,408</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ dài hạn	652,831,662	658,770,150
Phải trả khác		
Cộng	<u>652,831,662</u>	<u>658,770,150</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu đại lý vận tải	-	-
- Doanh thu khác	200,000,000	
Cộng	<u>200,000,000</u>	<u>-</u>

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	47,609,219,421	10,418,416,972	47,342,416,581	221,870,052,974
Lợi nhuận trong năm				49,028,818,148	49,028,818,148
Trích lập các quỹ		8,788,435,618	2,054,584,714	(15,005,306,251)	(4,162,285,919)
Chia cổ tức				(11,650,000,000)	(11,650,000,000)
Điều chỉnh khác					-
Chi quỹ			(161,540,000)		(161,540,000)
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	56,397,655,039	12,311,461,686	69,715,928,478	254,925,045,203
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	56,397,655,039	12,311,461,686	69,715,928,478	254,925,045,203
Lợi nhuận trong năm				48,011,337,458	48,011,337,458
Trích lập các quỹ		17,863,553,952	1,531,161,767	(25,372,460,833)	(5,977,745,114)
Chia cổ tức				(19,805,000,000)	(19,805,000,000)
Điều chỉnh khác					-
Chi quỹ			(1,108,206,000)		(1,108,206,000)
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	72,549,805,103	276,045,431,547

b) Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.650.000	11.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: **10.000 VND****c) Cổ tức**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	19,805,000,000	11,650,000,000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>19,805,000,000</u>	<u>11,650,000,000</u>

19. Chỉ tiêu ngoại bảng

Ngoại tệ các loại	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	2,823,880.51	3,295,728.72
- EURO		
Cộng	<u>2,823,880.51</u>	<u>3,295,728.72</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	870,982,282,737	842,984,626,743
- Doanh thu đại lý tàu rời	54,208,713,071	48,210,309,110
- Doanh thu đại lý vận tải	521,524,189,511	523,720,612,188
- Doanh thu đại lý liner	27,169,380,135	31,637,655,475
- Doanh thu kiểm kiện	20,809,433,879	19,495,076,474
- Doanh thu kho ngoại quan	119,661,503,982	80,515,646,473
- Doanh thu tạm nhập tái xuất	23,332,720,829	23,808,022,828
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	19,729,310,612	30,876,084,912
- Doanh thu cho thuê phương tiện	64,591,577,863	61,386,178,617
- Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	11,565,943,223	13,960,492,411
- Doanh thu dịch vụ khác	8,389,509,632	9,374,548,255
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	<u>870,982,282,737</u>	<u>842,984,626,743</u>

Chi tiết doanh thu theo phân loại của Tổng công ty hàng hải Việt Nam

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	870,982,282,737	842,984,626,743
- DT vận tải và hỗ trợ vận tải	521,524,189,511	523,720,612,188
- DT cảng biển và hỗ trợ cảng biển	186,508,415,560	191,605,304,588
- Kinh doanh xăng dầu		
- Sửa chữa tàu biển		
- Cho thuê văn phòng	11,565,943,223	13,960,492,411

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu khác 151,383,734,443 113,698,217,556

Các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu thuần **870,982,282,737** **842,984,626,743**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	74,708,881,167	78,715,054,321
Chi phí vật liệu bao bì	5,022,439,617	7,902,156,082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9,844,280,008	10,032,688,534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	691,040,309,013	625,578,038,111
Chi phí khác	2,244,120,377	25,534,162,163
Cộng	782,860,030,182	747,762,099,211

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	6,000,158,654	4,765,675,373
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21,054,729,983	26,290,243,885
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9,515,850,691	3,253,809,594
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	719,089,088	
Lãi chuyển nhượng vốn	12,922,448,283	6,324,000,000
Cộng	50,212,276,699	40,633,728,852

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,748,276,705	3,814,187,266
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	126,963,786	558,385,844
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	416,486,730	(1,033,632,862)
Chi phí tài chính khác	78,244,385	8,667,960
Cộng	4,369,971,606	3,347,608,208

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	672,836,576	749,090,908
Các khoản nợ không xác định được chủ	4,538,968,726	10,950,156,217
Các khoản thu nhập khác	304,985,682	231,935,907
Cộng	5,516,790,984	11,931,183,032

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	2,407,033,154	374,410,102
Các khoản chi phí khác	56,356,592	353,023,278
Cộng	2,463,389,746	727,433,380

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	29,548,961,121	47,218,631,583
Chi phí nguyên vật liệu	1,934,864,698	3,177,105,507
Chi phí đồ dùng văn phòng	1,203,992,587	1,889,210,843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,481,089,948	3,073,872,630
Thuế, phí, lệ phí	4,068,636,845	5,032,006,890
Chi phí dự phòng	804,914,758	5,543,925,952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37,938,030,872	16,250,621,398
Chi phí khác	729,574,071	2,095,783,708
Cộng	<u>78,710,064,900</u>	<u>84,281,158,511</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,022,439,617	11,079,261,589
Chi phí nhân công	104,257,842,288	125,933,685,904
Chi phí công cụ dụng cụ	1,203,992,587	2,065,439,760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,325,369,956	13,106,561,164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735,786,756,186	641,828,659,509
Chi phí khác	2,973,694,448	38,029,649,796
Cộng	<u>861,570,095,082</u>	<u>832,043,257,722</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58,307,893,986	59,431,239,317
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9,017,987,552	11,015,469,044
- Các khoản điều chỉnh giảm	(903,155,905)	(2,521,671,700)
Tổng thu nhập chịu thuế	66,422,725,633	67,925,036,661
Thu nhập được miễn thuế	(21,054,729,983)	(26,290,243,885)
Thu nhập tính thuế	45,367,995,650	41,634,792,776
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	<u>9,980,959,043</u>	<u>9,159,654,411</u>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	<u>315,597,485</u>	<u>781,764,600</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>10,296,556,528</u>	<u>9,941,419,011</u>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Từ năm 2003 đến năm 2008, Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas) đã ký kết các hợp đồng làm nhà phân phối cho Tập đoàn Manuchar NV (trụ sở tại Vương quốc Bỉ) và các công ty thành viên của Tập đoàn Manuchar để thực hiện việc nhập khẩu và phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Hợp đồng phân phối này đã chấm dứt năm 2008.

Trong năm 2010, Manuchar Hong Kong Limited (viết tắt là Manuchar) đã khởi kiện đòi Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 5,965,008.84 USD (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến 33 hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 4,886,233.84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1,078,775.00 USD) tương đương 127.531.888.999 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD). Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày rằng Chi nhánh chỉ thực hiện chức năng nhận và giao hàng hộ cho Manuchar Hong Kong Limited theo hợp đồng nhà phân phối. Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng nhà phân phối giữa hai bên và Chi nhánh chỉ còn phải trả Manuchar số tiền 14,328.40 USD tương đương 306.341.192 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD), đây là số tiền hàng thiếu hụt trong quá trình giao nhận của 33 hợp đồng mà Chi nhánh phải đền bù. Do Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Manuchar không thống nhất quan điểm trong phiên hòa giải nên hiện nay vụ kiện vẫn đang tiếp tục tại Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 10 năm 2011, Công ty TNHH Manuchar Việt Nam tiếp tục gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận 1, TP. Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 89.433.958.452 VND (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 66.991.729.178 VND và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2008 đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 là 22.442.229.274 VND). Vụ kiện này được Tòa án nhân dân quận 1, TP. Hồ Chí Minh thụ lý theo số hồ sơ thụ lý số 1279/2011/KTST ngày 29 tháng 12 năm 2011 và tạm đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 03/2012/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2012 do chờ kết quả giải quyết của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản công nợ tiềm tàng này vì Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas) đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng được ký kết với các nguyên đơn và sẽ không phải trả các khoản tiền theo yêu cầu của các nguyên đơn trong các vụ kiện này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH SYMS Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV vận tải biển dương Vinashin	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	10,111,260,000	5,947,800,000
Chi phí thuê văn phòng phải trả	921,600,000	921,600,000
Tiền điện phải trả	12,846,030	13,555,185
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam		
Cho thuê văn phòng tại số 3-5-7 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	91,800,000	91,800,000
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam		
Nhận lợi nhuận liên doanh		6,860,000,000
Nhận chuyển nhượng vốn góp liên doanh	16,058,448,283	
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Nhận lợi nhuận được chia	4,484,836,482	2,994,315,550
Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Nhận lợi nhuận liên doanh	50,000,000	25,000,000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Công nợ phải thu	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang		
Phải thu các khoản thu chi hộ	125,410,683	125,410,683
Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin		
Phí cung cấp dịch vụ	355,340,831	290,810,380
	480,751,514	416,221,063
Công nợ phải trả	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải trả	4,163,460,000	
Chi phí dịch vụ	1,093,191	664.470
Công ty TNHH SYMS Việt Nam		
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3,737,387,440	5,637,645,752
Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng		
Tiền cảng phí phải trả	28,374,957	9,610,233
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng		
Tiền cảng phí phải trả	2,534,448,075	4,009,681,458
	10,464,763,663	9,657,601,913

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Quản lý rủi ro tài chính

- Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu chuyên tiền trước vào tài khoản ký ngân đối với các hãng tàu nước ngoài. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối quý				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178,965,481,840	-	-	178,965,481,840
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37,000,000,000	-	-	37,000,000,000
Phải thu khách hàng	122,048,588,808	-	3,607,926,759	125,656,515,567
Các khoản phải thu khác	18,710,995,597	-	5,575,895,635	24,286,891,232
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11,589,789,363	-	-	11,589,789,363
Cộng	368,314,855,608	-	9,183,822,394	377,498,678,002
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	171,122,463,380	-	-	171,122,463,380
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32,000,000,000	-	-	32,000,000,000
Phải thu khách hàng	116,142,038,375	-	3,826,910,905	119,968,949,280
Các khoản phải thu khác	19,009,084,510	-	5,575,895,635	24,584,980,145
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11,585,694,230	-	-	11,585,694,230
Cộng	349,859,280,495	-	9,402,806,540	359,262,087,035

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối quý				
Vay và nợ	-	7,000,000,000	6,739,920,000	13,739,920,000
Phải trả người bán	94,761,808,943	-	-	94,761,808,943
Các khoản phải trả khác	86,737,555,222	1,152,831,662	-	87,890,386,884
Cộng	181,499,364,165	8,152,831,662	6,739,920,000	196,392,115,827
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	7,000,000,000	6,811,200,000	13,811,200,000
Phải trả người bán	104,457,790,709	-	-	104,457,790,709
Các khoản phải trả khác	99,732,927,370	658,770,150	-	100,391,697,520
Cộng	204,190,718,079	7,658,770,150	6,811,200,000	218,660,688,229

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

- *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp dịch vụ về đại lý tàu biển với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ USD và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	USD	CNY	USD	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,823,880.51	-	3,295,728.72	-
Phải thu khách hàng	1,160,594.45	-	738,464.32	-
Vay và nợ	-	(1,980,000.00)	-	(1,980,000.00)
Phải trả người bán	(1,645,661.64)	-	(1,187,445.15)	-
Các khoản phải trả khác	(2,396,810.11)	-	(2,443,153.18)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(57,996.80)	(1,980,000.00)	403,594.71	(1,980,000.00)

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD, VND và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

- Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

- Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối quý		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	178,965,481,840	-	171,122,463,380	-	178,965,481,840	171,122,463,380
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37,000,000,000	-	32,000,000,000	-	37,000,000,000	32,000,000,000
Phải thu khách hàng	125,656,515,567	(3,423,904,461)	119,968,949,280	(2,869,395,111)	122,232,611,106	117,099,554,169
Các khoản phải thu khác	24,286,891,232	(5,575,895,635)	24,584,980,145	(5,575,895,635)	18,710,995,597	19,009,084,510
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11,589,789,363	-	11,585,694,230	-	11,589,789,363	11,585,694,230
Cộng	377,498,678,002	(8,999,800,096)	359,262,087,035	(8,445,290,746)	368,498,877,906	350,816,796,289

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay và nợ	13,739,920,000	13,811,200,000	13,739,920,000	13,811,200,000
Phải trả người bán	94,761,808,943	104,457,790,709	94,761,808,943	104,457,790,709
Các khoản phải trả khác	87,890,386,884	100,391,697,520	87,890,386,884	100,391,697,520
Cộng	196,392,115,827	218,660,688,229	196,392,115,827	218,660,688,229

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khác và các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người lập biểu

Trưởng Ban TCKT

Tổng giám đốc

VÕ TRUNG THẮNG

PHAN VĂN KHÁNH

VŨ XUÂN TRUNG

